

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST
Ngày: 04-02-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự,
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ai;
2. Ông Lê Văn Phú.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 450/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 668/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị UT, sinh năm 1990, địa chỉ: Tổ 28, ấp PM, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị UT: Ông Lê Hùng T, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp AH, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang (Theo Giấy ủy quyền ngày 09/12/2020 được Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú chứng thực).

Bị đơn:

1. Bà Phạm Thị Huỳnh G, sinh năm 1987;
2. Ông Mai Quốc Th, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Tổ 14, ấp PN, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông Lê Hùng T, bà Trần Thị UT có mặt; bà Phạm Thị Huỳnh G và ông Mai Quốc Th cùng vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết nên bà Trần Thị UT có cho bà Phạm Thị Huỳnh G, ông Mai Quốc Th vay tiền, cụ thể như sau:

Vào ngày 10/10/2019 Âm lịch (nhằm ngày 06/11/2019 Dương lịch), bà G vay của bà UT số tiền 25.000.000 đồng để làm vốn nuôi cua đồng, thời hạn vay không xác định, chỉ thỏa thuận là khi nào bà UT cần lấy lại vốn sẽ báo trước cho bà G 02 tháng, lãi suất vay thỏa thuận mỗi tháng trả 1.400.000 đồng. Số tiền 25.000.000 đồng bà G gửi cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1981 và ông Lê Văn B, sinh năm 1984, địa chỉ: Ấp PM, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang để gửi lại cho bà G. Việc vay mượn không làm biên nhận do giữa bà UT và bà G quen biết thân thiết và bà G chỉ vay ngắn hạn. Quá trình vay, bà G trả lãi cho bà UT được 05 tháng với tổng số tiền 7.000.000 đồng rồi ngưng. Khi trả lãi cũng không làm biên nhận.

Đến ngày 25/5/2020 Âm lịch (nhằm ngày 15/7/2020 Dương lịch), bà G tiếp tục vay của bà UT số tiền 15.000.000 đồng, mục đích vay theo lời bà G là cho ông Th sửa máy mức. Khi vay bà G có hứa đến tháng 06/2020 Âm lịch (tháng 7/2020 Dương lịch) sẽ trả số tiền gốc 15.000.000 đồng và trả luôn khoản vay 25.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất. Việc vay mượn cũng không làm biên nhận. Quá trình vay, bà G trả cho bà UT được 800.000 đồng để trả lãi đối với khoản vay này. Khoản vay này bà UT G trực tiếp cho bà G ở gần nhà bà UT, không ai chứng kiến.

Đến tháng 07/2020 Âm lịch (nhằm tháng 8/2020 Dương lịch), do cần tiền đi khám bệnh, nên bà G tiếp tục xin vay số tiền 5.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả, không thỏa thuận lãi suất do bà G hứa vài ngày sẽ trả. Khoảng vài ngày sau, bà G cho biết bị cướp mất tiền vốn bán trái cây nên tiếp tục xin vay thêm 5.000.000 đồng để làm vốn mua bán trái cây, hứa trong vài ngày sẽ trả khoản vay này, không thỏa thuận lãi suất. Cả 02 khoản vay này cũng không làm biên nhận, không ai chứng kiến. Cả 02 khoản vay này bà UT điều trực tiếp đưa tiền cho bà G, địa điểm gần nhà bà UT.

Do bà G không thực hiện theo thỏa thuận nên bà UT nhiều lần đến nhà bà G để yêu cầu bà G hoàn trả. Bà G cũng hứa hẹn sẽ sớm hoàn trả nhưng cũng không thực hiện. Đến ngày 17/9/2020 Dương lịch, bà UT khiếu nại đến Ban ấp PN, xã PH, huyện AP. Tại Ban ấp PN, bà G thừa nhận toàn bộ khoản vay và thỏa thuận mỗi ngày trả cho bà UT số tiền 70.000 đồng cho đến khi hết khoản vay 40.000.000 đồng. Đối với khoản vay 10.000.000 đồng, bà G cũng cam kết đến ngày 20/8/2020 Âm lịch sẽ trả cho bà UT. Việc thỏa thuận có sự chứng kiến và xác nhận của trưởng ấp là ông Lê Văn Đ.

Kể từ thời điểm thỏa thuận tại Ban ấp Phú Nhơn, bà G trả cho bà UT số tiền 1.780.000 đồng rồi ngưng, số tiền này trả vào tiền gốc 40.000.000 đồng. Bà UT đã nhiều lần điện thoại nhắc nhưng bà G cũng chỉ hứa hẹn. Do đó, bà UT khởi kiện yêu cầu bà G phải hoàn trả số tiền vốn gốc 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 19/11/2020, ngày 09/12/2020 và ngày 25/12/2020, Tòa án đã triệu tập bà Phạm Thị Huỳnh G và ông Mai Quốc Th để tham gia phiên họp kiểm tra việc G nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà G và ông Thái đều vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà G và ông Th cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tòa án ban hành Thông báo số 1357/2020/TB-TA ngày 29/12/2020 để thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc G nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 25/12/2020 và Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ số 1358/TB-TA ngày 29/12/2020, đồng thời thông báo cho bà G và ông Thái biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Về tài liệu, chứng cứ:

Các tài liệu, chứng cứ do bà Trần Thị UT G nộp:

- Bản tự khai ngày 21/10/2020 (bản chính);
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị UT và Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Nguyễn Văn G;
- Bản photo Tờ tự thuận ngày 17/9/2020 có sự xác nhận của Trưởng ấp PN, xã PH;
- Bản chính Giấy ủy quyền ngày 09/12/2020 giữa bà Trần Thị UT và ông Lê Hùng T được Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú chứng thực.

Các tài liệu, chứng cứ do bà Phạm Thị Huỳnh G và ông Mai Quốc Th G nộp: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ngày 28/12/2020 tại Ban ấp PN, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang và Biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Lê Thị V ngày 28/12/2020.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị UT là ông Lê Hùng T thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó, ông T yêu cầu bà Phạm Thị Huỳnh G và ông Mai Quốc Th phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà UT số tiền 48.220.000 đồng. Ông T cho rằng, quá trình vay mượn giữa bà G và bà UT thì ông Th đều biết, có người chứng kiến việc ông Th trả lãi và hứa hẹn trả tiền cho bà UT. Ngoài ra, việc bà G vay tiền là để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình như làm vốn nuôi cua đồng, sửa máy móc cho ông Th. Tuy nhiên, ông T và bà UT không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình cũng như không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người làm chứng để tham gia phiên tòa.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 28/12/2020, biên bản lấy lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản xác minh ngày 28/12/2020, ông Lê Văn Đ, Trưởng ban ấp PN, xã PH cho biết: Bà Phạm Thị Huỳnh G, sinh năm 1987 và ông Mai Quốc Th, sinh năm 1983 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 14, ấp PN, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang. Bà G và ông Th là vợ chồng và thường xuyên sinh sống tại địa chỉ nêu trên. Đối với tờ tự thuận nợ ngày 17/9/2020 Dương lịch, ông Đ xác

định tờ tự thuận do ông Đ viết cho bà G và bà UT do cả hai đều viết chữ không rành, ông Đ có ký xác nhận. Khi tự thuận thì ông Mai Quốc Th không có mặt. Theo nội dung tự thuận, bà G thừa nhận nợ và thoả thuận mỗi ngày sẽ hoàn trả cho bà UT số tiền 70.000 đồng cho đến khi hết khoản vay 40.000.000 đồng. Đối với khoản vay 10.000.000 đồng, bà G cũng cam kết đến ngày 20/8/2020 Âm lịch sẽ trả cho bà UT. Bà G đề nghị sẽ đưa tiền cho bà Út Vân (Lê Thị V), bà UT sẽ đến nhận. Sau đó, việc trả tiền thế nào thì ông Đ không rõ. Tại địa phương, bà G có nghề nghiệp bán trái cây, ông Th thì không rõ có nghề nghiệp gì. Quá trình tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, bà G và ông Th đều từ chối nhận văn bản mặc dù có mặt tại thời điểm tổng đạt, việc từ chối không nêu rõ lý do. Ông Đ có chứng kiến việc người G văn bản của Thừa phát lại đọc lại nội dung văn bản tố tụng của Tòa án và tiến hành niêm yết.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2020, bà Lê Thị V (Út V) cho biết: Bà có quen biết bà Phạm Thị Huỳnh G do bà G đẩy xe bán trái cây mỗi ngày qua chỗ bà Vân bán tại trường Tiểu học “A” Phú Hội. Bà V không quen biết bà UT. Bà V cũng không biết sự việc vay mượn giữa bà UT và bà G. Từ trước đến nay, bà UT chưa gửi tiền cho bà V lần nào. Do bận công việc làm ăn nên bà V có yêu cầu được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử.

- Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bà Phạm Thị Huỳnh G và ông Mai Quốc Th vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Phạm Thị Huỳnh G và ông Mai Quốc Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị UT, buộc bà Phạm Thị Huỳnh G trả cho bà UT số tiền 48.220.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị UT buộc ông Mai Quốc Th phải liên đới hoàn trả cho bà UT số tiền 48.220.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quyền khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng: Do không hoàn trả tiền vay như thỏa thuận, bà Trần Thị UT khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Huỳnh G và ông Mai Quốc Th phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà UT số tiền vay 50.000.000 đồng và không tính lãi suất. Căn cứ Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định bà Trần Thị UT là nguyên đơn, bà Phạm Thị Huỳnh G và ông Mai Quốc Th là bị đơn.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn bà Phạm Thị Huỳnh G và ông Mai Quốc Th đều từ chối nhận văn bản và vắng mặt không lý do; đồng thời, bà G và ông Th đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, bà G và ông Th đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị UT khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Huỳnh G và ông Mai Quốc Th phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà UT số tiền vay 50.000.000 đồng và không phải chịu lãi suất. Xét, giữa bà UT, bà G và ông Th đều là cá nhân, không đăng ký kinh doanh nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, là tranh chấp dân sự theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị Huỳnh G và ông Mai Quốc Th cùng cư trú tại tổ 14, ấp PN, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang nên căn cứ các điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về đánh giá chứng cứ: Bà Phạm Thị Huỳnh G và ông Mai Quốc Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án hoặc có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà UT và cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để thể hiện việc phản bác hay chấp nhận đối với yêu cầu của bà UT. Vì vậy, theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do bà UT G nộp và chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

[3.2] Theo nội dung Tờ tự thuận ngày 17/9/2020 (Dương lịch), bà G thừa nhận còn nợ bà UT số tiền 50.000.000 đồng và thỏa thuận mỗi ngày trả cho bà UT số tiền 70.000 đồng cho đến khi hết khoản vay 40.000.000 đồng. Đối với khoản vay 10.000.000 đồng, bà G cũng cam kết đến ngày 20/8/2020 Âm lịch (nhằm ngày 06/10/2020 Dương lịch) sẽ trả cho bà UT. Việc thỏa thuận có sự chứng kiến và xác nhận của trưởng ấp là ông Lê Văn Đ. Theo biên bản xác minh ngày 28/12/2020, ông Lê Văn Đ cũng xác nhận nội dung Tờ tự thuận là sự thỏa thuận giữa bà G và bà UT, ông Đ là người chứng kiến và ký xác nhận. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ ngày 25/12/2020 và tổng đạt kết quả cho bà G, ông Th. Đồng thời, Tòa án cũng đã ban

hành Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và tổng đạt văn bản cho bà G, ông Th nhưng bà G, ông Th từ chối nhận văn bản và vẫn không có ý kiến phản bác đối với các nội dung nêu trong văn bản. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 92, 93 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Tờ tự thuận ngày 17/9/2020 (Dương lịch) và biên bản xác minh ngày 28/12/2020 nêu trên sẽ được đánh giá là chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của bà G là có căn cứ và hợp pháp.

[3.3] Đối với lãi suất vay mà các bên thỏa thuận: Bà UT cho rằng, quá trình vay bà G đã trả lãi được số tiền 7.000.000 đồng đối với số tiền vay gốc 25.000.000 đồng và 800.000 đồng đối với số tiền vay 15.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà UT chỉ yêu cầu hoàn trả tiền gốc các khoản vay, không yêu cầu tính lãi. Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì mức lãi suất mà các đương sự thỏa thuận không phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, trong Tờ tự thuận ngày 17/9/2020 (Dương lịch), bà G đồng ý hoàn trả tiền nợ gốc theo như yêu cầu của bà UT, không có ý kiến đối với số tiền lãi đã trả. Đồng thời, trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án, bà G và ông Thái cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà UT. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Xét yêu cầu của bà Trần Thị UT về việc buộc ông Mai Quốc Th phải liên đới cùng bà Phạm Thị Huỳnh G hoàn trả số tiền đã vay: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà UT cho rằng bà G vay tiền nhằm các mục đích: Làm vốn nuôi của đồng, cho ông Thái sửa máy móc, khám chữa bệnh và làm vốn mua bán trái cây. Tuy nhiên, bà UT cũng xác định là việc thỏa thuận vay và G tiền chỉ có bà G tham gia. Ngoài ra, theo nội dung Tờ tự thuận ngày 17/9/2020 (Dương lịch) cũng chỉ ghi nhận việc thỏa thuận trả nợ giữa bà G và bà UT. Bên cạnh đó, trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà Trần Thị UT và ông Lê Hùng T cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh về việc ông Th có cùng với bà G vay mượn tiền của bà UT, cũng như việc bà G sử dụng số tiền vay trên nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, căn cứ vào Điều 27, Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình không có cơ sở buộc ông Th phải liên đới với bà G thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà UT.

[3.5] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị UT về việc buộc bà Phạm Thị Huỳnh G phải hoàn trả số tiền vay 48.220.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị UT buộc ông Mai Quốc Th phải liên đới cùng với bà Phạm Thị Huỳnh G hoàn trả cho bà UT số tiền 48.220.000 đồng.

[3.6] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/02/2021) cho đến khi thi hành án xong, bà Phạm Thị Huỳnh G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Phạm Thị Huỳnh G phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà Trần Thị UT được Tòa án chấp nhận.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị UT.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bà Trần Thị UT, bà Phạm Thị Huỳnh G và ông Mai Quốc Th có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 27, 45 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị UT,

1.1. Buộc bà Phạm Thị Huỳnh G có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trần Thị UT số tiền 48.220.000 (bốn mươi tám triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/02/2021) cho đến khi thi hành án xong, bà Phạm Thị Huỳnh G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị UT về việc buộc ông Mai Quốc Th phải liên đới với bà Phạm Thị Huỳnh G hoàn trả số tiền 48.220.000 (bốn mươi tám triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

3.1. Bà Phạm Thị Huỳnh G phải chịu 2.411.000 (hai triệu bốn trăm mười một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn lại cho bà Trần Thị UT số tiền 1.125.000 (một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2019/0004882 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

3.3. Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị UT là ông Lê Hùng T, vắng mặt bà Phạm Thị Huỳnh G và ông Mai Quốc Th. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Lê Hùng Tuấn có quyền

kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà Phạm Thị Huỳnh G và ông Mai Quốc Th là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Tuấn